

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108/2019/DS – ST**
Ngày: 16/4/2019
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.
- *Các Hội thẩm nhân dân :* 1. Ông Dương Văn Hai.
2. Ông Nguyễn Văn Chót.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Lê Khánh Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 385/2019/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐ-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm: 1982; địa chỉ: số nhà 77/1, ấp H, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1978; địa chỉ: số nhà 167/2, ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Thanh N, sinh năm: 1978; địa chỉ: số nhà 167/2, ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa án – nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Chị và chị Phạm Thị H có tham gia chơi hui với nhau, do chị làm chủ hui. Trong quá trình chơi hui, đến ngày 18/8/2016 dương lịch giữa chị và chị H có tính tổng cộng các dây hui đã mặng thì chị H còn nợ chị tổng số tiền là 350.000.000 đồng, chị H có ký tên biên nhận nợ số tiền này cho chị. Chị H có hứa 01 tháng sau sẽ trả tiền, nhưng đến nay vẫn không trả.

Tiếp đó, vào ngày 20/10/2016 chị H tham gia chơi với chị một dây hụi 1.000.000 đồng, do chị làm chủ hụi, có 21 hụi viên, hụi mǎng ngày 20/6/2018. Chị H là người kêu hốt hụi đầu tiên và chị đã giao đủ hụi cho chị H với số tiền 12.500.000 đồng. Dây hụi này chị H còn nợ lại chị 20 tháng hụi chết với số tiền 20.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Như vậy, tổng cộng số tiền chị H nợ chị là 370.000.000 đồng. Nhưng chị H chỉ thừa nhận còn nợ chị 350.000.000 đồng, còn tờ giấy hụi ngày 20/10/2016 thì chị cũng không nhớ rõ là chị H hay em của chị H ký tên.

Nên tại Tòa hôm nay, chị yêu cầu Tòa giải quyết buộc chị Phạm Thị H và anh Lê Thanh N phải có nghĩa vụ liên đới trả chị số tiền 350.000.000 đồng vì số tiền hụi này chị H có sử dụng vào mục đích kinh tế gia đình và anh N có biết việc chơi hụi giữa chị với chị H. Số tiền này là tài sản riêng của cá nhân chị, chị yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi suất. Chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng của dây hụi ngày 20/10/2016 vì chị không nhớ rõ tờ giấy hụi ngày 20/10/2016 do ai ký tên.

Bị đơn Phạm Thị H vắng mặt tại tòa, nhưng theo nội dung biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trong quá trình tố tụng tại Tòa - chị H trình bày:

Chị thừa nhận có tham gia chơi hụi với chị Lê Thị L và sau đó cả hai có chốt lại số tiền hụi mà chị còn nợ chị L là 350.000.000 đồng. Chị có ký tên biên nhận nợ ngày 18/8/2016 số tiền 350.000.000 đồng này cho chị L. Còn việc chị L cho rằng chị có tham gia chơi với chị L dây hụi mở ngày 20/10/2016 với số tiền 1.000.000 đồng và hiện nay chị còn nợ chị L số tiền 20.000.000 đồng này là hoàn toàn không có, chị không biết gì về dây hụi này hết.

Nay chị chỉ đồng ý trả cho chị L số tiền hụi còn nợ là 350.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Số tiền 350.000.000 đồng này một mình chị sẽ chịu trách nhiệm trả cho chị L, chồng chị là anh Lê Thanh N không có nghĩa vụ liên đới cùng chị trả nợ vì anh N không biết gì về việc chơi hụi này. Số tiền hụi này chị sử dụng vào mục đích làm ăn, buôn bán, lo cho gia đình. Gia đình chị không được chính quyền địa phương công nhận thuộc diện hộ nghèo.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh N luôn vắng mặt trong các lần hòa giải, công khai chứng cứ, xét xử nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng. Đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không tham gia phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia các phiên họp tiếp cận, công

khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc buộc chị Phạm Thị H và anh Lê Thanh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 350.000.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị L về việc yêu cầu chị H và anh N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 20.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự; sau khi phân tích, đánh giá toàn diện, nhận định đầy đủ, khách quan về các chứng cứ, những tình tiết của vụ án và đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Lê Thị L về việc yêu cầu bị đơn Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh N trả tiền hối. Bị đơn Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 167/2, ấp Đ, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng góp hối và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Về tố tụng: Bị đơn Phạm Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị H và anh N vắng mặt không lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh N là đúng quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Hợp đồng góp hối được xác lập giữa nguyên đơn Lê Thị L với bị đơn Phạm Thị H được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại tòa, nguyên đơn Lê Thị L yêu cầu bị đơn Phạm Thị H trả cho chị L số tiền hối 350.000.000 đồng. Chị H cũng thừa nhận hiện nay còn nợ chị L số tiền hối 350.000.000 đồng đến nay vẫn chưa trả. Do đó, việc chị L yêu cầu chị H trả cho chị L số tiền 350.000.000 đồng này là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại tòa, chị L có yêu cầu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị H và anh N về số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 20.000.000 đồng này của chị L là hoàn toàn tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Chị L yêu cầu chị H và anh N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 350.000.000 đồng. Chị H thì cho rằng đây là nợ riêng của cá nhân chị, anh N không phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị trả nợ cho chị L vì anh N không biết gì về việc chơi hối giữa chị H với chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh N kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/8/2002, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Tại thời điểm xác lập và thực hiện hợp đồng góp hụi, giữa chị H và anh N vẫn sống chung với nhau và số tiền hụi này chị H có sử dụng vào mục đích kinh tế chung cho gia đình nên xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Lễ đó, có căn cứ buộc chị H và anh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 350.000.000 đồng.

[6] Về yêu cầu trả dần nợ của chị H: Chị H cho rằng do cuộc sống gia đình đang gặp khó khăn, nên xin được trả dần số tiền còn nợ cho chị L với cách thức mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, yêu cầu xin trả dần này của chị H không được chị L đồng ý. Do chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị L trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị L, nên yêu cầu xin được trả dần số nợ của chị H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Phạm Thị H và anh Lê Thanh N phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí với số tiền: 350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, 147, 217, 218, 227, 235 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L. Buộc chị Phạm Thị H và anh Lê Thanh N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc yêu cầu chị Phạm Thị H và anh Lê Thanh N có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Lê Thị L số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H và anh Lê Thanh N phải có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền: 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Lê Thị L theo biên lai thu số: 0021484 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thủy Tiên